

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 345/2023/DS-ST
Ngày: 19 -7- 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang C
2. Ông Nguyễn Anh N

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu H– Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST- DS ngày 23/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2023/QĐXXST-DS ngày 31/5/2023, Quyết định Hoàn phiên tòa số 543/2023/QĐ-HPT ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH X,

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà x, số 2 P, Phường X, quận B, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thanh P,

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Lưu Tiến Đ, sinh năm 19XX,

Địa chỉ thường trú: 36/6 S, phường S, quận T, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X do ông Đàng Thanh P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/02/2020, ông Lưu Tiến Đ và Công ty Tài chính TNHH X (gọi tắt là công ty) đã ký Hợp đồng tín dụng số 2W016442783, Hợp đồng thế chấp số 2W016442783 cùng ngày 08/02/2020. Theo nội dung hợp đồng, ông Đ vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 44%/năm, để mua xe máy nhãn hiệu HONDA VARIO 150, số khung MH1JM511KK491466, số máy JM51E1491106, đồng thời ông Đ thế chấp chiếc xe này cho công ty. Theo thỏa thuận, ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho công ty số tiền bao gồm tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi là 17.879.643 đồng và tiền phí bảo hiểm là 3.833.341 đồng, trả trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 2.713.378 đồng, bắt đầu từ ngày 25/02/2020 đến ngày 25/01/2022.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, vào ngày 05/3/2020 ông Đ chỉ thanh toán công ty 2.341.834 đồng tiền gốc, 193.499 đồng tiền lãi, 166.667 đồng tiền phí bảo hiểm. Tính đến nay, ông Đ còn nợ công ty số tiền gốc: 37.658.166; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/8/2020: 7.581.218 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.787.976 đồng, tổng cộng: 48.027.360 đồng.

Công ty đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông Đ thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho công ty

- Về phần lãi trong hạn: Căn cứ vào mục 5.4 Hợp đồng tín dụng số 2W016442783 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và khoản 3 Mục III Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao: công ty và ông Đ thỏa thuận lãi suất theo dư nợ giảm dần là 44%/năm.

- Về phần lãi quá hạn: Căn cứ Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015, kể từ 26/3/2020 cho tới ngày nộp đơn khởi kiện ông Đ đã trễ hạn thanh toán 31 tháng, được tính như sau: Lãi suất quá hạn = $10\%/12 \times 31 \times 37.658.166 = 9.728.360$ đồng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thanh toán cho ông Đ, công ty giảm một phần tiền lãi chậm trả và chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán khoản tiền lãi chậm trả là 2.787.976 đồng.

- Tiền góp mỗi tháng: là số tiền thỏa thuận giữa khách hàng và công ty dựa trên khả năng tài chính của khách hàng;

- Tiền lãi trong hạn phải thanh toán tính như sau: dư nợ gốc đầu kỳ x lãi suất thực tế tháng. VD: kỳ 1: $40.000.000 \times 4\text{ngày} \times (44/365)\% = 192.877$ đồng.

- Tiền gốc phải thanh toán = Tiền góp mỗi tháng - Tiền lãi phải thanh toán;

Từ những căn cứ trên, Công ty yêu cầu sau:

- Buộc ông Lưu Tiến Đ thanh toán một lần toàn bộ số tiền chưa thanh toán gồm: tiền gốc: 37.658.166; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/8/2020: 7.581.218 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.787.976 đồng. Tổng cộng: 48.027.360 đồng theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Các khoản lãi phát sinh trong quá trình Quý Tòa thụ lý, giải quyết, xét xử, công ty X không yêu cầu ông Đ phải thanh toán.

- Buộc ông Đ phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày công ty có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2W019064871 ngày 03/11/2020 do hai bên ký kết.

Bị đơn ông Lưu Tiến Đ đã được tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lưu Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

- Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Tòa án nhân dân quận T xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thụ lý và thẩm quyền giải quyết: Ông Lưu Tiến Đ có hộ khẩu thường trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97

Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68, 69 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 96, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thủ tục cấp, tổng Đ văn bản tố tụng: Đúng theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu: Phù hợp quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử: Phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2W016442783, ngày 08/02/2020 là 48.027.360 đồng (trong đó gồm: Tiền nợ gốc: 37.658.166 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn: 7.581.218 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 2.787.976 đồng). Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Các khoản lãi phát sinh trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử, nguyên đơn không yêu cầu bà Tài phải thanh toán nên không xem xét.

Căn cứ đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập. Căn cứ khoản 1 Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X yêu cầu bị đơn ông Lưu Tiến Đ thanh toán khoản tiền nợ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lưu Tiến Đ có hộ khẩu thường trú tại nhà số 36/6 Sơn Kỳ, phường Sơn Kỳ, quận T, Thành phố

H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X, người đại diện theo ủy quyền ông Đào Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Lưu Tiến Đ đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Đ đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2W016442783, ngày 08/02/2020 là 48.027.360 đồng.

Do bị đơn ông Lưu Tiến Đ không văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét thấy, ngày 08/02/2020, ông Lưu Tiến Đ và Công ty Tài chính TNHH X có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2W016442783, ngày 08/02/2020, theo đó, ông Đ vay của công ty số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 44%/năm, để mua xe máy nhãn hiệu HONDA VARIO 150, số khung MH1JM511KK491466, số máy JM51E1491106, đồng thời ông Đ thế chấp chiếc xe này cho công ty.

Sau khi ký hợp đồng, ông Đ chỉ thanh toán công ty 2.341.834 đồng tiền gốc, 193.499 đồng tiền lãi, 166.667 đồng tiền phí bảo hiểm. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không thanh toán nợ cho Công ty.

Tính đến ngày nộp đơn khởi kiện, ông Đ còn nợ công ty số tiền gốc: 37.658.166; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/8/2020: 7.581.218 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.787.976 đồng, tổng cộng: 48.027.360 đồng.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 48.027.360 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Công ty Tài chính TNHH X yêu cầu ông Lưu Tiến Đ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, việc ông Đ ngưng thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ông Đ phải thanh toán hết số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Nguyên đơn không yêu cầu ông Lưu Tiến Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử là có lợi cho bị đơn nên không xem xét.

[2.4] Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2W016442783 ngày 08/02/2020 do hai bên ký kết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X được chấp nhận nên bị đơn ông Lưu Tiến Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 280, các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X.

- Buộc ông Lưu Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH X số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2W016442783, ngày 08/02/2020 là 48.027.360 (bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi) đồng, (trong đó: Nợ gốc: 37.658.166; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/8/2020: 7.581.218 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.787.976 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Thời hạn và P thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lưu Tiến Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.401.368 (hai triệu bốn trăm lẻ một ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH X số tiền tạm ứng án phí 1.200.684 (một triệu hai trăm ngàn sáu trăm tám mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013550 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.H
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đường sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

